

# HIỂU THẾ NÀO VỀ SỬ DỤNG LUẬT SO SÁNH TRONG NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY LUẬT?

TS. NGUYỄN THỊ ANH VÂN \*

Có lẽ trong số các ứng dụng của luật so sánh, ứng dụng vào hoạt động nghiên cứu và giảng dạy là việc làm được các nhà khoa học luật và các giảng viên luật ở Việt Nam quan tâm hơn cả. Đây là chủ đề khá hấp dẫn, ít nhất đối với những ai muốn khai thác những tiện ích của luật so sánh, hoạt chỉ ít cũng là đối với những ai muốn khai thác một cách hiệu quả những hiểu biết của mình về pháp luật nước ngoài vào hoạt động nghiên cứu, giảng dạy. Việc làm này hoàn toàn khả thi, đặc biệt trong thời đại thông tin ngày nay, khi người nghiên cứu có thể tìm tại ở một quốc gia, với một chiếc máy tính kết nối với một vài “thư viện điện tử” (như *Lexis*, *Weslaw*, *Heionline*...) là có thể nắm bắt, cập nhật được những quy định pháp luật hiện hành của quốc gia khác mà mình quan tâm. Vấn đề còn lại có lẽ chỉ là cần hiểu đúng về “sử dụng luật so sánh trong nghiên cứu và giảng dạy” để có thể khai thác một cách hữu hiệu ứng dụng này của luật so sánh. Bài viết này xin được bàn về một số vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan tới việc khai thác ứng dụng nói trên của luật so sánh, giúp cho việc hiểu và sử dụng hiệu quả luật so sánh trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy.

## 1. Thống nhất cách hiểu và sử dụng thuật ngữ “luật so sánh”

Ở một mức độ nào đó, trong khoa học

luật so sánh, các thuật ngữ pháp lí dường như rất phức tạp vì trong nhiều trường hợp, một thuật ngữ pháp lí quen thuộc dường như không thể hiểu theo nghĩa pháp lí thông dụng. Có thể thấy, cho tới nay, tên gọi của ngành khoa học này vẫn chưa được sử dụng một cách thống nhất giữa các học giả luật so sánh trên thế giới. Nhiều công trình khoa học mặc dù cùng nghiên cứu về bản thân cái tạm được gọi là “luật so sánh” nhưng lại sử dụng những tên gọi khác nhau. Ví dụ, “luật so sánh” (*comparative law*) theo cách gọi của De Cruz, Gutteridge, Hart, Hoecke và Bogdan...;<sup>(1)</sup> “so sánh luật” (“*comparision of law*” hay “*rechtsvergleichung*”) theo Zweigert và Kotz...;<sup>(2)</sup> “luật học so sánh” (*comparative jurisprudence*) theo John Salmond...;<sup>(3)</sup> “nghiên cứu so sánh luật” (*comparative legal studies*) theo Legrand và Munday...<sup>(4)</sup> Tuy nhiên, có lẽ đối với các học giả luật so sánh, bất kể sử dụng tên gọi nào, trước các thuật ngữ “luật so sánh”, “so sánh luật”, “luật học so sánh” hay “nghiên cứu so sánh luật”... họ đều hiểu đó là những thuật ngữ khác nhau dùng để hàm chỉ cùng một lĩnh vực, một ngành khoa học<sup>(5)</sup> nghiên cứu, so sánh các hệ thống pháp luật khác nhau trên thế giới. Với cách hiểu đó, trong bài viết

\* Trung tâm luật so sánh  
Trường Đại học Luật Hà Nội

này, các thuật ngữ “luật so sánh” và “so sánh luật” sẽ được sử dụng đan xen.

**2. “Sử dụng luật so sánh” và “sử dụng pháp luật nước ngoài” trong nghiên cứu, giảng dạy: Tương đồng hay khác biệt?<sup>(6)</sup>**

Để tiến hành so sánh, bất kể so sánh trong lĩnh vực nào, người nghiên cứu buộc phải chọn ra ít nhất hai sự vật hoặc hai hiện tượng hay hai quá trình làm đối tượng so sánh. Tương tự như vậy, khi sử dụng luật so sánh trong nghiên cứu, giảng dạy, người nghiên cứu không thể không xem xét đến pháp luật nước ngoài và đặt chúng trong mối quan hệ với pháp luật trong nước hoặc với pháp luật của nước thứ ba. Tùy thuộc vào mục đích nghiên cứu, giảng dạy, người nghiên cứu có thể lựa chọn luật nước ngoài để so sánh với nội luật hoặc có thể lựa chọn luật có liên quan của hai quốc gia nào đó để tiến hành nghiên cứu so sánh với nhau. Như vậy, khi ứng dụng luật so sánh vào hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, không thể loại trừ việc nghiên cứu luật nước ngoài. Nói cách khác, nghiên cứu hay sử dụng luật nước ngoài là hoạt động tất yếu trong quá trình vận dụng luật so sánh vào nghiên cứu, giảng dạy.

Tới đây một câu hỏi rất có thể nảy sinh là liệu sử dụng luật nước ngoài có đồng nghĩa với sử dụng luật so sánh trong nghiên cứu, giảng dạy? Trong lĩnh vực luật so sánh, vẫn còn một số vấn đề các học giả trên thế giới chưa đi đến thống nhất nhưng có lẽ câu trả lời ở thể phủ định cho câu hỏi trên lại được các học giả luật so sánh thống nhất thừa nhận. Glendon, Gordon và Osakwe đã

chỉ ra rằng: “*Luật so sánh không phải là sự nghiên cứu một hệ thống pháp luật nước ngoài hay một phần của hệ thống pháp luật nước ngoài. Một khoá học đại cương ở một trường đại học ở Anh hay Mỹ về Luật tư của Pháp hoặc một khoá học chuyên sâu về Luật hợp đồng của Pháp có thể rất có giá trị về lý luận và thực tiễn nhưng vẫn chỉ là một khoá học về luật của Pháp chứ không phải là Luật so sánh. Hiển nhiên là không thể theo học khoá học này mà không có sự so sánh với nội luật và người học không thể không mở mang sự hiểu biết của mình về nội luật nhờ khoá học này nhưng tất cả những cái đó không thể làm thay đổi bản chất của khoá học và đó vẫn chỉ là khoá học về luật của Pháp*”.<sup>(7)</sup> Reimann cũng chỉ ra rằng những của học về luật nước ngoài, thậm chí về một dòng họ pháp luật đặc thù nào đó trên thế giới, có thể rất có giá trị về việc mở mang tầm hiểu biết cho người học nhưng nói một cách thành thực, đó hoàn toàn không phải là khóa học về luật so sánh. Mặc dù trong quá trình học, người học không thể không đối chiếu những điều mình học hỏi được từ khóa học này với những vấn đề tương ứng trong hệ thống pháp luật nước mình.<sup>(8)</sup>

Như vậy, nếu chỉ đơn thuần nghiên cứu pháp luật nước ngoài, xem xét luật nước ngoài quy định về một vấn đề nào đó mà người nghiên cứu quan tâm, hay nghiên cứu luật nước ngoài để thoả mãn sự tò mò của người nghiên cứu mà không đối chiếu so sánh với nội luật hoặc với luật của một nước thứ ba để tìm ra những điểm tương đồng và

khác biệt cũng như không luận giải những điểm giống và khác nhau đó thì không thể nói rằng người nghiên cứu đã sử dụng luật so sánh. Lí do là, luật so sánh đòi hỏi việc nghiên cứu luật nước ngoài phải đặt trong mối quan hệ với nội luật hoặc trong mối quan hệ với luật có liên quan của một nước thứ ba nào đó. Hơn nữa, sử dụng luật so sánh trong công tác nghiên cứu, giảng dạy hoặc cho bất kì mục đích nào đều đòi hỏi người nghiên cứu phải tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa các đối tượng so sánh, phân tích, đánh giá, lí giải kết quả tìm được và đi đến kết luận cụ thể. Nghiên cứu luật nước ngoài, vì vậy, chỉ là giai đoạn khởi đầu của quá trình so sánh luật; hoạt động so sánh luật đích thực sẽ đòi hỏi người nghiên cứu phải hoàn tất những bước tiếp theo chứ không chỉ dừng lại ở việc đơn thuần tìm hiểu xem luật nước ngoài quy định về vấn đề mình quan tâm như thế nào.

Vậy có thể khẳng định khi sử dụng luật so sánh trong nghiên cứu, giảng dạy cũng là lúc phải sử dụng đến pháp luật nước ngoài, tuy nhiên điều đó không có nghĩa là cứ sử dụng pháp luật nước ngoài trong nghiên cứu, giảng dạy đã là sử dụng luật so sánh. Phân định được rõ các hoạt động trí tuệ này có ý nghĩa quan trọng đối với người nghiên cứu: Giúp người nghiên cứu xác định được rõ hoạt động nào cần thiết cho công trình nghiên cứu của mình, từ đó có cách tiếp cận chuẩn xác trong mỗi hoạt động nghiên cứu để đạt được mục đích nghiên cứu hoặc ít ra cũng tránh được những nhầm lẫn không

đáng có trong quá trình nghiên cứu, ví dụ mới chỉ “sử dụng pháp luật nước ngoài vào nghiên cứu, giảng dạy” nhưng làm tưởng mình đã “sử dụng luật so sánh...”.

### **3. Sử dụng luật so sánh vào mục đích nghiên cứu nói chung và giảng dạy nói riêng, cần đáp ứng những yêu cầu nào?**

#### *3.1. Đảm bảo tính cập nhật và chính xác của thông tin về pháp luật nước ngoài dùng vào mục đích nghiên cứu so sánh luật*

Đảm bảo tính cập nhật và chính xác của thông tin trong quá trình nghiên cứu so sánh là việc làm đã được một số học giả luật so sánh khuyến nghị.<sup>(9)</sup> Thế nào là đảm bảo yêu cầu về tính cập nhật của thông tin về luật nước ngoài trong quá trình nghiên cứu so sánh không phải là vấn đề quá trừu tượng hay quá phức tạp cần phải bàn luận. Để đảm bảo tính cập nhật của thông tin, vấn đề đặt ra là phải thu thập được những văn bản pháp luật và cả án lệ hiện hành của quốc gia hữu quan (nếu hệ thống pháp luật lựa chọn để so sánh thuộc truyền thống Common Law). Có lẽ đáp ứng yêu cầu này không phải là việc làm khó trong thời đại internet ngày nay, giả thiết rằng người nghiên cứu có đủ khả năng để tiếp cận và lĩnh hội các thông tin cập nhật này từ các nguồn tư liệu điện tử khá dồi dào trên thế giới. Đáp ứng yêu cầu về tính cập nhật của thông tin sẽ đảm bảo công trình so sánh luật không trở nên vô ích chỉ vì đối tượng so sánh được lựa chọn là luật của nước ngoài đã hết hiệu lực (trừ khi người nghiên cứu chủ định tìm hiểu cả bộ phận pháp luật đã hết hiệu lực của quốc gia được

lựa chọn để nắm được lịch sử phát triển của mảng pháp luật đó).

Để đảm bảo tính chính xác của thông tin cần thu thập, người nghiên cứu so sánh luật cần đáp ứng hai yêu cầu. Một là trực tiếp sử dụng các văn bản pháp luật hoặc án lệ có liên quan của quốc gia được lựa chọn chứ không nên dùng tài liệu “thứ cấp” (những cuốn sách hay bài báo bình về những quy định pháp luật đó). Điều này hoàn toàn dễ hiểu vì để có kiến thức về luật nước ngoài mà thay vì trực tiếp nghiên cứu luật lại nghiên cứu những bài bình luận về luật đó của các tác giả khác, rõ ràng người nghiên cứu sẽ rất có thể bị ảnh hưởng bởi quan điểm cá nhân của tác giả của những bình luận đó. Tất nhiên không thể phủ nhận rằng những bài bình luận trong một số trường hợp rất hữu ích, tuy nhiên trong nhiều trường hợp, quan điểm cá nhân rất có thể không phản ánh trung thực đối tượng nghiên cứu. Và vì vậy, nhận thức về mảng luật nước ngoài có liên quan của nhà nghiên cứu so sánh luật cũng rất có thể sẽ bị lệch lạc, dẫn đến kết quả so sánh không chuẩn xác.

Hai là nghiên cứu những quy định pháp luật nước ngoài bằng chính thứ tiếng của quốc gia có luật dùng để so sánh hoặc chí ít cũng nên nghiên cứu bản dịch đáng tin cậy, bằng thứ ngôn ngữ thông dụng trên thế giới. Lời khuyên này hoàn toàn có cơ sở vì “tam sao thất bản” là điều mà con người đã đúc kết được từ lâu. Bản dịch rất có thể phản ánh chính xác bản gốc nhưng trong rất nhiều trường hợp, cũng có thể phản ánh sai lệch

bản gốc (điều này xảy ra ngay cả khi người dịch giỏi ngoại ngữ nhưng thiếu kiến thức chuyên môn) và vì thế nhận thức của người nghiên cứu về luật nước ngoài do đọc bản dịch tồi cũng bị sai lệch. Đáp ứng yêu cầu thứ hai này, rõ ràng, không phải là việc làm đơn giản vì đòi hỏi nhà nghiên cứu phải thông thạo tiếng nước ngoài. Yêu cầu này rất có thể sẽ làm nản lòng các nhà nghiên cứu, đặc biệt khi nhu cầu so sánh không chỉ bó hẹp trong phạm vi một hệ thống pháp luật nước ngoài mà lan rộng tới vài hệ thống pháp luật nước ngoài, khi đó người nghiên cứu phải thành thạo nhiều ngoại ngữ. Tuy nhiên, giải pháp có thể cho trường hợp này là người nghiên cứu nên chọn đọc bản dịch chính thức (bằng ngôn ngữ thông dụng trên thế giới) của quốc gia có luật cần nghiên cứu, để tránh nhận thức sai lệch về luật nước ngoài chỉ vì lỗi kỹ thuật. Đây không còn là tình huống giả định mang tính sách vở mà đã xảy ra trên thực tế. Ví dụ, khi nhận xét về Luật chứng khoán của Mĩ, Nga và Trung Quốc, có ý kiến cho rằng: “*Khái niệm chứng khoán được ghi nhận trong Luật chứng khoán của Hoa Kỳ nhưng lại không được ghi nhận trong Luật chứng khoán Trung Quốc hay trong Luật chứng khoán Liên bang Nga*”.<sup>(10)</sup> Trong khi đó trên thực tế Điều 2, Luật của Liên bang Nga về thị trường chứng khoán lại đưa ra định nghĩa rất chi tiết về chứng khoán và các loại chứng khoán.<sup>(11)</sup> Và ngay cả trong trường hợp của Trung Quốc, mặc dù Luật chứng khoán Trung quốc không có điều khoản riêng định nghĩa về chứng

khoản nhưng Điều 2 của Luật đã liệt kê các loại chứng khoán mà việc phát hành và giao dịch chứng khoán đó thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật (định nghĩa ngụ ý).<sup>(12)</sup> Lí do dẫn đến nhận định thiếu chuẩn xác trên chỉ có thể lí giải là do tác giả đã vô tình bỏ qua yêu cầu về tính chính xác của tài liệu tham khảo trong quá trình nghiên cứu so sánh, vì vậy hoặc đã đọc tài liệu thứ cấp hoặc đã nghiên cứu bản dịch thiếu tin cậy thay vì nghiên cứu bản gốc hoặc chí ít cũng là bản dịch chính thức của các văn bản pháp luật liên quan. Tình huống thực tiễn này phần nào cho thấy tầm quan trọng của việc đáp ứng yêu cầu về tính chính xác của thông tin về luật nước ngoài.

### 3.2. Lựa chọn đối tượng so sánh phục vụ hoạt động nghiên cứu so sánh luật

Trước khi lựa chọn đối tượng so sánh, một số câu hỏi rất có thể nảy sinh đối với người nghiên cứu, ví dụ, nên lựa chọn đối tượng so sánh tương ứng trong hệ thống pháp luật nào; liệu có nên loại trừ hệ thống pháp luật nào đó để đảm bảo kết quả so sánh hữu dụng?... Có thể thấy, khó có câu trả lời chung cho những câu hỏi trên mà tùy trường hợp cụ thể mới có thể có câu trả lời chuẩn xác. Để xác định được câu trả lời cho từng trường hợp điển hình cụ thể, trước hết, cần phân nhóm hoạt động nghiên cứu so sánh luật.

Khi nói đến hoạt động nghiên cứu so sánh luật, người ta thường đề cập hai nhóm “so sánh nghiên cứu” (nhằm mở mang kiến thức) và “so sánh lập pháp” (nhằm hỗ trợ xây dựng pháp luật). Tuy nhiên, để làm sáng

tỏ yêu cầu lựa chọn tài liệu tham khảo phục vụ hoạt động nghiên cứu so sánh luật ở đây, cần phân nhóm hoạt động trí tuệ này chi tiết hơn, gồm: (1) So sánh nghiên cứu thuần túy (nhằm mở mang sự hiểu biết cho bản thân người nghiên cứu); (2) So sánh nghiên cứu phục vụ hoạt động giảng dạy (nhằm mở mang kiến thức cho người học); (3) Nghiên cứu so sánh luật phục vụ hoạt động lập pháp.

Có lẽ không cần bàn cãi, trong hoạt động so sánh luật thuộc nhóm (1), yêu cầu lựa chọn đối tượng so sánh không cần đặt ra; người nghiên cứu có thể lựa chọn bất cứ hệ thống pháp luật nào để thỏa mãn khát vọng hiểu biết của mình. Phần dưới đây chỉ bàn về yêu cầu lựa chọn đối tượng so sánh trong hoạt động so sánh thuộc nhóm (2) và nhóm (3).

Việc nghiên cứu so sánh luật phục vụ công tác giảng dạy (nhóm 2), cần đạt tới mục tiêu là trang bị cho người học những kiến thức pháp lí cơ bản về các truyền thống pháp luật trên thế giới; về các hệ thống pháp luật chủ đạo của mỗi truyền thống pháp luật; về những chế định pháp luật điển hình trong mỗi hệ thống pháp luật chủ đạo đó; và về những giải pháp pháp lí tiên tiến trong hệ thống pháp luật nước ngoài. Để đạt được mục tiêu này, đương nhiên không thể lựa chọn đối tượng nghiên cứu so sánh một cách ngẫu hứng mà cần hết sức thận trọng. Lời khuyên của Zweigert và Kotz, hai nhà luật học so sánh của Đức, xem ra đáng được tham khảo khi lựa chọn đối tượng so sánh trong giảng dạy luật so sánh đại cương (trường hợp cần trang bị cho người học kiến

thức về các chế định pháp luật điển hình của các hệ thống pháp luật trên thế giới) và trong giảng dạy luật so sánh chuyên ngành.<sup>(13)</sup>

Theo các học giả này, đối với một số vấn đề luật tư mang tính cổ điển như luật hợp đồng, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, và luật sở hữu, chỉ cần nghiên cứu luật của Anh và của Mỹ trong truyền thống pháp luật Anh - Mỹ, luật của Pháp và Ý trong truyền thống pháp luật Lamã, luật của Đức và Thụy Sĩ trong truyền thống pháp luật Giécmanh và nghiên cứu luật của Đan Mạch, Thụy Điển trong truyền thống pháp luật Bắc Âu. Đối với những vấn đề khác trong lĩnh vực luật tư lại có thể áp dụng nguyên tắc lựa chọn khác, theo đó có thể bỏ qua các hệ thống pháp luật chủ đạo. *Ví dụ:* Đối với vấn đề có liên quan tới Luật chống độc quyền, sẽ tìm thấy nhiều câu trả lời hữu ích trong hệ thống pháp luật của Mỹ hơn của Pháp; đối với vấn đề công bằng trong xét xử, sẽ rất hữu ích nếu tập trung nghiên cứu hệ thống pháp luật của Anh...

Sự cần thiết của việc lựa chọn đối tượng so sánh trong nghiên cứu so sánh luật phục vụ hoạt động lập pháp (nhóm 3), cho tới nay vẫn còn có sự bất đồng ý kiến. Đại đa số học giả cho rằng đối tượng so sánh có thể lấy từ bất cứ hệ thống pháp luật nào nhưng cũng có ý kiến cho rằng cần lựa chọn đối tượng so sánh từ hệ thống pháp luật có cùng mức độ phát triển với hệ thống pháp luật của quốc gia của nhà nghiên cứu.

Suy luận một cách logic, nếu mảng pháp luật cần nghiên cứu thuộc mảng pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội điển hình

của nền kinh tế thị trường, người nghiên cứu có thể nghĩ đến hệ thống pháp luật của các nước phát triển và có thể bỏ qua sự quá khác biệt giữa nền tảng kinh tế - xã hội và chính trị với những nền tảng tương ứng tại quốc gia của người nghiên cứu. Không nhất thiết phải lựa chọn hệ thống pháp luật của những quốc gia nằm trong cùng hoàn cảnh, ở cùng mức độ phát triển với quốc gia của người nghiên cứu vì trong nhiều trường hợp, sự lựa chọn đó sẽ không đưa đến kết quả mong muốn. Cần nhận thức được rằng, một đất nước ở cùng mức độ phát triển với nước mình có thể sẽ không có nhiều kinh nghiệm để học hỏi. Lí do là rất có thể họ cũng đang trong giai đoạn dò, tìm những cái mà chúng ta đang tìm. Hơn nữa, có một số mảng quan hệ xã hội mà xu hướng vận động và phát triển rất giống nhau giữa các quốc gia khác nhau, bất kể đó là nước đang phát triển hay nước phát triển, *ví dụ*, hiện tượng cạnh tranh, độc quyền và thị trường chứng khoán... Khi đó, học hỏi kinh nghiệm của các nước phát triển là con đường nhanh chóng nhất để người nghiên cứu đạt tới đích mong muốn. Nhận định này dường như đã được thực tiễn lập pháp ở nhiều nước trên thế giới ủng hộ, ví dụ trong lĩnh vực luật chứng khoán.

Hai học giả Canada là M. Gillen và P. Potter đã khảo sát luật chứng khoán của nhiều nước trên thế giới: từ Châu Á đến châu Âu, tới châu Mỹ và đi đến kết luận rằng luật chứng khoán của các quốc gia ở các châu lục này có rất nhiều điểm tương đồng hay nói cho chính xác hơn là có rất nhiều điều khoản

vay mượn của nhau.<sup>(14)</sup> *Ví dụ:* Các quy định về công bố thông tin trong luật chứng khoán của Malaysia và Singapore là vay mượn từ các đạo luật công ti thống nhất của Úc (Austrialian uniform companies acts), mà những điều khoản này trong luật của Úc lại là sự sao chép từ Luật công ti 1948 của Vương Quốc Anh; các đạo luật về công nghiệp chứng khoán của cả Malaysia và Singapore đều rất giống với đạo luật tương ứng của Úc; thế rồi Nhật Bản cũng là một ví dụ điển hình của quốc gia có Luật chứng khoán và giao dịch chứng khoán năm 1946 vay mượn từ Luật chứng khoán năm 1933 và Luật giao dịch chứng khoán năm 1934 của Mỹ...

Một điều hiển nhiên là để có được sự vay mượn hay sao chép luật này, các nhà làm luật đã phải sử dụng luật so sánh trong quá trình nghiên cứu, soạn thảo nội luật. Và đối tượng sử dụng để so sánh trong trường hợp này rõ ràng là luật liên quan đang có hiệu lực của các nước phát triển hơn các nước đi sao chép luật. Khó có thể chứng minh được liệu tình hình kinh tế, xã hội và chính trị ở Nhật năm 1946 có tương thích với Mỹ ở cùng thời kì, cũng như khó có thể xác định được liệu hoàn cảnh kinh tế - xã hội của Malaysia và Singapore năm 1983 có tương thích với hoàn cảnh đó của Úc và của Anh vào cùng giai đoạn nhưng các quốc gia nói trên vẫn sao chép luật của nhau và thực tiễn thi hành luật ở các quốc gia này chưa cho thấy hệ quả tiêu cực.

Vận dụng kết quả nghiên cứu của các học giả luật so sánh và kinh nghiệm thực tiễn của các nước vào trường hợp của Việt Nam,

có thể thấy sẽ là hồ đồ khi cho rằng chỉ có pháp luật của các quốc gia có nền kinh tế chuyển đổi mới có giá trị tham khảo lớn cho Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Thực chất, pháp luật của quốc gia nào nên được lựa chọn làm đối tượng nghiên cứu so sánh còn tùy thuộc vào lĩnh vực pháp luật nhà nghiên cứu quan tâm.

*3.3. Xem xét những yếu tố tác động tới khả năng sử dụng kết quả nghiên cứu và đánh giá tác động kinh tế - xã hội của việc ứng dụng kết quả nghiên cứu*

Sau khi có được kết quả so sánh luật, sử dụng kết quả so sánh như thế nào là vấn đề cần cân nhắc. Nhìn chung, các giải pháp pháp lí của nước ngoài được tìm thấy trong quá trình nghiên cứu có thể sử dụng trực tiếp hoặc phải chỉnh sửa đôi chút cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của quốc gia của nhà nghiên cứu trước khi vận dụng. Tuy nhiên, việc sử dụng trực tiếp hay sửa đổi đôi chút đều phải được tiến hành trên cơ sở phân tích một cách khoa học, có cân nhắc đến các yếu tố tương tác, đặc biệt cần loại trừ sự ác cảm với luật nước ngoài, xem đó là sản phẩm “ngoại lai” không phù hợp với hoàn cảnh nước mình. Chẳng hạn, sẽ là quá vội vã nếu chỉ căn cứ vào sự chênh lệch giữa mức độ phát triển kinh tế của Mỹ và Việt Nam mà khẳng định rằng nếu Việt Nam đưa những quy định trong pháp luật chứng khoán của Mỹ vào nội dung pháp luật chứng khoán của Việt Nam “thì thật khó hình dung về hiệu quả pháp luật và tính khả thi của pháp luật...”<sup>(15)</sup>

Thực ra, nghiên cứu pháp luật chứng